

Số: /HD-BDT

Kon Tum, ngày tháng năm

HƯỚNG DẪN

Quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách đối với một số Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần theo Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 4427/KH-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Thực hiện Công văn số 2645/UBND-KTTH ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về rà soát và phê duyệt danh sách các đối tượng thụ hưởng chính sách cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP;

Ban Dân tộc Hướng dẫn Quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách đối với một số Dự án, Tiểu Dự án, Nội dung thành phần theo Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc, cụ thể như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Hướng dẫn này áp dụng thực hiện Quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng các nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt thuộc Dự án 1; Dự án 2 - Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; Tiểu Dự án 1 - Dự án 9 - Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù thuộc Chương trình

mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Nguyên tắc thực hiện

- Công khai, minh bạch, dân chủ từ cơ sở, đúng đối tượng, đúng định mức, đúng nội dung, không chồng chéo, phát huy tinh thần vươn lên của người dân và cộng đồng. Đảm bảo sự tham gia, giám sát của người dân trong quá trình thụ hưởng và triển khai các nội dung Chương trình;

- Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù; đối tượng là nữ dân tộc thiểu số; đối tượng thuộc nhóm bị ảnh hưởng bởi thiên tai; phân bổ vốn tập trung, không phân tán, dàn trải, manh mún, bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn;

- Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II. TRÌNH TỰ, QUY TRÌNH RÀ SOÁT ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH

1. Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1.1. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 6, Điều 8, Điều 10, Chương II, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc; quy định tại Điều 8, 14, 20, Chương II, Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

1.2. Quy trình rà soát, xác định, phê duyệt đối tượng

a) Bước 1. Tổ chức rà soát, lập danh sách hộ thụ hưởng chính sách

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) xác định phạm vi, đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định, chỉ đạo trưởng các thôn, làng, tổ dân phố (gọi chung là thôn) thông báo về nội dung chính sách, tổ chức rà soát, tổng hợp và phân loại, lập danh sách đối tượng đăng ký thụ hưởng chính sách theo từng nội dung: nhà ở, đất ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán theo Phụ lục 01 và Phụ lục 3A, Phụ lục 3B (trường hợp chuyển đổi học nghề thì xác định danh sách là cá nhân thuộc hộ nghèo thuộc phạm vi, đối tượng của Chương trình).

- Thời gian thực hiện: 03 ngày làm việc.

b) Bước 2. Tổ chức họp thôn để thống nhất kết quả rà soát

- Thành phần họp thôn: Trưởng thôn (chủ trì cuộc họp) tổ chức họp thôn bình xét công khai có đại diện lãnh đạo và cán bộ chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; đại diện cấp ủy chi bộ, tổ chức đoàn thể của thôn; các hộ gia

đình trong thôn (có sự tham gia ít nhất 2/3 số hộ gia đình trong thôn); mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- *Nội dung*: Lấy ý kiến về kết quả rà soát, tổng hợp danh sách đối tượng được thụ hưởng chính sách theo từng nội dung: nhà ở, đất ở, đất sản xuất, chuyên đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán (có sự thống nhất của trên 50% tổng số người tham dự cuộc họp). Trường hợp ý kiến thống nhất từ 50% trở xuống thì thực hiện rà soát lại theo Bước 1 và Bước 2 nêu trên.

- Trưởng thôn lập hồ sơ kết quả cuộc họp thành 02 bản (gồm: Biên bản họp thôn theo Phụ lục 02 và Danh sách các hộ/cá nhân thụ hưởng chính sách theo Phụ lục 03 và Phụ lục 3A, Phụ lục 3B), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, đại diện Mặt trận, đoàn thể, cấp ủy và một số hộ dân (01 bản do Trưởng thôn lưu, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã).

- Thời gian thực hiện: 02 ngày làm việc, sau khi hoàn thành Bước 1.

c) Bước 3. Niêm yết, thông báo công khai

- Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, tổng hợp hồ sơ của các thôn, kiểm tra quy trình bình xét ở thôn, niêm yết công khai kết quả rà soát danh sách hộ thụ hưởng chính sách tại Nhà văn hóa hoặc Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua Đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại Nhà văn hóa hoặc Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện) danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo Phụ lục 03 và Phụ lục 3A, Phụ lục 3B.

d) Bước 4. Báo cáo, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt

- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Dân tộc hoặc Cơ quan phụ trách công tác dân tộc cấp huyện - gọi chung là Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện) về kết quả rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách.

Hồ sơ 01 bộ, gồm: Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo Danh sách các hộ/cá nhân thụ hưởng chính sách cụ thể từng nội dung theo Phụ lục 03 và Phụ lục 3A, Phụ lục 3B.

- Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng có liên quan của huyện tổng hợp, kiểm tra/thẩm định nhu

cầu của các xã, tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định. Trường hợp kết quả rà soát danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách của Ủy ban nhân dân cấp xã chưa đảm bảo theo yêu cầu thì đề nghị cấp xã tiến hành rà soát, bổ sung, hoàn thiện hoặc tiến hành lại các bước đảm bảo theo yêu cầu (trong thời gian 03 ngày làm việc).

- Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách làm cơ sở triển khai thực hiện việc hỗ trợ và vay vốn tín dụng từ Ngân hàng chính sách xã hội.

1.3. Thời gian rà soát, xác định

- Năm 2022: Hoàn thành trước ngày 10 tháng 9 năm 2022.

- Rà soát hàng năm (từ năm 2023): Hoàn thành trước ngày 30 tháng 01 của của năm kế hoạch.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

a) Về lựa chọn hình thức bố trí ổn định dân cư (tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ)

Thực hiện Kế hoạch số 4427/KH-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển Kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 (viết tắt là Quyết định 1719)¹.

Căn cứ kết quả kiểm tra, khảo sát và làm việc giữa Ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân 8 huyện² đã thống nhất đề xuất lựa chọn các dự án gắn với hình thức bố trí ổn định dân cư (tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ) đối với từng danh mục³ bảo đảm đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương thuộc Dự án 2 theo Quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở đó, 8 huyện đã có văn bản đăng ký danh mục gắn với mục tiêu, nhiệm vụ và thống nhất hình thức bố trí ổn định dân cư (tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ) gửi Ban Dân tộc tổng hợp, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh (dự kiến cuối tháng 8 tháng 2022) phê duyệt danh mục cho giai đoạn 2021-2025 theo quy định.

¹ Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, đơn vị liên quan: Căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan, tham mưu triển khai thực hiện các nội dung Dự án đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

² Trừ Thành phố Kon Tum và huyện Kon Rẫy.

³ Bố trí ổn định dân cư theo hình thức tái định cư tập trung, Bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép, Bố trí ổn định dân cư theo hình thức ổn định tại chỗ căn cứ theo khoản 10,11,12 Điều 2 Thông tư 02/2022/TT-UBND.

Vì vậy đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, hình thức bố trí dân cư đã đăng ký, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo quy định.

b) Quy trình rà soát, xác định, phê duyệt đối tượng

- Nội dung hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình: Thực hiện theo Khoản 3, Khoản 4 Thông tư 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc, gồm: Hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất (đối với trường hợp phải thay đổi chỗ ở); hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư: Thực hiện theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo các bước quy trình tại Dự án 1.

3. Tiểu Dự án 1 - Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế- xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

a) Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế (theo Điều 55 Thông tư 02/2022/TT-UBND); Nội dung hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù (theo Điều 57 Thông tư 02/2022/TT-UBND); Hỗ trợ xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số tại thôn, làng có đông đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sinh sống tập trung (theo Điều 58 Thông tư 02/2022/TT-UBND).

b) Việc rà soát, xác định, phê duyệt nội dung, danh sách hộ gia đình thụ hưởng thực hiện theo Đề án thành phần đối với nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên đây là Hướng dẫn Quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách đối với một số Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần theo Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những nội dung mới thì kịp thời báo cáo về Ban Dân tộc (qua Phòng Chính sách Dân tộc - số điện thoại: 0260.3915.047) để tổng hợp, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- Phòng Dân tộc các huyện, thành phố;
- Phòng Lao động - TB và xH huyện Ia H'Drai;
- Lưu: VT, CSDT.

TRƯỞNG BAN

Đình Quốc Tuấn